

BỘ GIAO THÔNG VẬN
TẢI VÀ BƯU ĐIỆN
Số: 1991/QĐ-VT

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Hà Nội, ngày 28 tháng 9 năm 1992

QUYẾT ĐỊNH

Về việc ban hành "Quy chế quản lý kinh doanh dịch vụ vận tải"

Căn cứ Nghị định 196/HĐBT ngày 11-12-1989 của Hội đồng Bộ trưởng qui định nhiệm vụ quyền hạn và trách nhiệm quản lý Nhà nước của các Bộ;

Căn cứ Nghị định 151/HĐBT ngày 12-5-1990 qui định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Giao thông Vận tải và Bưu điện;

Căn cứ vào đề nghị của ông Vụ trưởng Vụ vận tải,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1: Nay ban hành bản "Quy chế quản lý kinh doanh dịch vụ vận tải" kèm theo quyết định này.

Điều 2: Bản quy chế quản lý kinh doanh dịch vụ vận tải ban hành kèm theo quyết định này có hiệu lực thi hành từ ngày ký, mọi quy định trước đây trái với quy chế này đều bãi bỏ.

Điều 3: Các Bộ, Tổng cục, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương, các ông Chánh Văn phòng, Vụ trưởng các Vụ, Ban thuộc Bộ Giao thông vận tải và Bưu điện, Giám đốc các Sở GTVT và các doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ vận tải chịu trách nhiệm thi hành quyết định này.

QUY CHẾ

QUẢN LÝ KINH DOANH DỊCH VỤ VẬN TẢI

(Ban hành kèm theo QĐ 1991/VT ngày 28-9-1992)

I. NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1: Bản quy chế này ấn định những qui tắc cơ bản trong hoạt động kinh doanh dịch vụ vận tải nhằm tăng cường quản lý Nhà nước thiết lập trật tự kỷ cương trong kinh doanh dịch vụ vận tải, bảo đảm quyền và lợi ích hợp pháp của các bên, đồng thời tăng cường trách nhiệm của các doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ vận tải với Nhà nước.

Điều 2: Quy chế này áp dụng cho tất cả những đối tượng kinh doanh dịch vụ vận tải thuộc mọi thành phần kinh tế hoạt động theo các luật doanh nghiệp có thu dịch vụ phí trên lãnh thổ nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

Điều 3: Dịch vụ vận tải là loại hình kinh doanh nằm trong dây chuyền vận tải. Bộ GTVT-BD thực hiện chức năng quản lý Nhà nước chuyên ngành đối với các doanh nghiệp kinh doanh vận tải.

Dịch vụ vận tải bao gồm:

3.1. Cho thuê, nhận thuê hộ hoặc môi giới thuê phương tiện vận tải, thiết bị bốc xếp, kho tàng, bến bãi, cầu tàu, lao động vận tải và các trang thiết bị chuyên ngành vận tải khác.

3.2. Môi giới khai thác tìm nguồn hàng hoá, hành khách v.v... cho chủ phương tiện vận tải.

3.3. Thực hiện uỷ thác của chủ hàng hoặc chủ phương tiện vận tải trong từng dịch vụ cụ thể, phục vụ cho quá trình vận tải hoặc thực hiện uỷ thác đưa hàng từ kho đến kho, từ nhà đến nhà cho chủ hàng trong và ngoài nước.

3.4. Dịch vụ hỗ trợ kỹ thuật hỗ trợ kỹ thuật cho vận tải như gia cố cầu đường, phương tiện vận tải và các trang thiết bị khác, thiết kế thực hiện đầu cầu, lập luận chứng kinh tế kỹ thuật, xây dựng các phương án vận tải, hàng nặng, hàng quá khổ, hàng nguy hiểm và các loại hàng có yêu cầu đặc biệt khác.

3.5. Nhận mua và vận chuyển hàng hoá vật tư phương tiện và trang thiết bị giao thông vận tải cho chủ hàng trong và ngoài nước.

3.6. Kinh doanh thông tin thị trường vận tải trong và ngoài nước theo khuôn khổ luật pháp hiện hành.

Điều 4: Các doanh nghiệp đại lý tàu biển và môi giới hàng hải có qui chế riêng.